

Số: 37/2021/QĐST-DS

Đông Anh, ngày 05 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28/01/2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 304/2020/TLST-DS ngày 01/12/2020.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội K thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái G đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

B đơn: Cụ **Lê Thị A**, sinh năm 1934.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Các đồng bị đơn:

1. Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1955.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu 5, thôn T, xã U, huyện Z, Thành phố Hà Nội.

2. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1959.

3. Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1966.

4. Ông **Nguyễn Văn E**, sinh năm 1968.

5. Bà **Nguyễn Thị Kim F**, sinh năm 1971.

Đều có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1965.

2. Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986.

3. Anh **Nguyễn Văn I**, sinh năm 2003.

Đều có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

4. Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm V, xã R, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

5. Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1995.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm V, xã R, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Văn I là bà Nguyễn Thị G.

6. Quỹ tín dụng nhân dân xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.

Địa chỉ: Thôn O, xã Y, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Thu M- Giám đốc.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ huyết thống:** Các đương sự xác nhận: Cụ Lê Thị A có chồng là cụ Nguyễn Văn N (Tức Tạ Văn G), sinh năm 1934, chết ngày 25/4/2016. Bố mẹ cụ N là cụ Nguyễn Văn G1 và cụ Nguyễn Thị G2 đều chết trước cụ N. Trong thời kỳ hôn nhân, cụ A và cụ N sinh được 06 người con, gồm:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1955.

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959.

3. Ông Nguyễn Văn Triều, sinh năm 1962, chết năm 2017. Ông Triều có vợ là bà Nguyễn Thị G. Vợ chồng ông Triều, bà G sinh được 04 người con gồm:

3.1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986.

3.2. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1990.

3.3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995.

3.4. Cháu Nguyễn Văn I, sinh năm 2003.

4. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1966.

5. Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1968.

6. Bà Nguyễn Thị Kim F, sinh năm 1971.

* **Về tài sản chung và di sản thừa kế:**

Quá trình chung sống, cụ N có gửi tiết kiệm số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân xã Y theo 03 Sổ tiết kiệm cụ thể như sau:

- Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số PQ 0211800, ngày gửi 09/11/2015, số tiền gửi là 290.000.000 đồng với kỳ hạn 06 tháng.

- Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số PQ 0638484, ngày gửi 15/01/2016, số tiền gửi là 300.000.000 đồng với kỳ hạn 06 tháng.

- Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số PQ 0639102, ngày gửi 10/3/2016, số tiền gửi là 10.000.000 đồng với kỳ hạn 02 tháng.

Tất cả các sổ tiết kiệm này đứng tên người gửi là cụ Nguyễn Văn N (Tức Tạ Văn G). Đến ngày 25/4/2016, cụ N chết, không để lại di chúc.

Tính đến ngày 25/01/2021, số dư tiền gửi theo các sổ tiết kiệm trên là:

- Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số PQ 0211800, ngày gửi 09/11/2015, tiền gốc 290.000.000 đồng, tiền lãi 85.951.000 đồng, tổng cộng 375.951.000 đồng.

- Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số PQ 0638484, ngày gửi 15/01/2016, tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi 78.608.000 đồng, tổng cộng 378.608.000 đồng.

- Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số PQ 0639102, ngày gửi 10/3/2016, tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.373.000 đồng, tổng cộng là 12.373.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi: **766.932.000** (Bảy trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

*** Phân chia tài sản chung và chia thừa kế như sau:**

1. *Phân chia tài sản chung của cụ Lê Thị A và cụ Nguyễn Văn N (Tức Tạ Văn G):* Xác định tài sản chung của cụ Lê Thị A và cụ Nguyễn Văn N (Tức Tạ Văn G) gồm khoản tiền gốc, lãi theo 03 sổ tiết kiệm tại Quỹ tín dụng nhân dân xã Y tính đến ngày 25/01/2021 có giá trị là: **766.932.000** (Bảy trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm ba mươi hai nghìn) đồng. Theo đó, cụ A được hưởng $\frac{1}{2}$ số tiền gốc, lãi gửi tiết kiệm ở trên có giá trị là: **383.466.000** đồng.

2. *Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Nguyễn Văn N (Tức Tạ Văn G):* Xác nhận di sản của cụ N (Tức G) để lại bằng $\frac{1}{2}$ số tiền gốc, lãi gửi tiết kiệm ở trên có giá trị là: **383.466.000** đồng.

Theo đó, hàng thừa kế thứ nhất, đồng thời là những người được hưởng phần di sản của cụ N để lại gồm 7 người là: Cụ Lê Thị A; Bà Nguyễn Thị B; Bà Nguyễn Thị C; Ông Nguyễn Văn Triều; Bà Nguyễn Thị D; Ông Nguyễn Văn E và bà Nguyễn Thị Kim F.

Do ông Triều đã chết nên bà Nguyễn Thị G và 04 người con của ông Triều, bà G là chị Nguyễn Thị H; chị Nguyễn Thị K, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn I được nhận kỹ phần thừa kế của ông Triều.

Những người trong hàng thừa kế thứ nhất thống nhất: Mỗi người sẽ được hưởng một kỹ phần ngang nhau bằng $\frac{1}{7}$ số tiền di sản của cụ N (Tức G) để lại có giá trị: $383.466.000 : 7 = 54.780.857$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền cụ A được hưởng là: $383.466.000 + 54.780.857 = 438.246.857$ đồng.

Số tiền bà B, bà C, bà D, ông E, bà F mỗi người được hưởng là: **54.780.857** đồng.

Tổng số tiền bà G, chị H, chị K, chị L, anh I được hưởng chung là: **54.780.857** đồng.

Tiền lãi phát sinh từ ngày 26/01/2021 các đồng thừa kế được hưởng tương ứng theo giá trị kỷ phần mà mình được chia cho đến khi các đồng thừa kế thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Quỹ tín dụng nhân dân xã Y.

*** Về án phí:**

- Bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị Kim F mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là **1.369.000** (Một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị G, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị K và chị Nguyễn Thị L cùng liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là **1.369.000** (Một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn) đồng.

- Cụ Lê Thị A, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị C có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Thẩm phán

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

Nguyễn Lâm Bình

